

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 309/2025/DS-PT
Ngày 27 - 8 -2025
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đề

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2025/TLPT-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST, ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 227/2025/QĐPT-DS, ngày 23 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khóm A, phường N, tỉnh Vĩnh Long;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh Lê Minh T: Ông Trần Hoàng A, sinh năm 1966, địa chỉ: khóm L, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Bà Lê Thị Cẩm T1, sinh năm 1968;

2. Ông Đỗ Văn V, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Khóm E, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Lê Thị Cẩm T1 và ông Đỗ Văn V: Ông Lâm Khắc S, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số C đường K, khóm A, phường N, tỉnh Vĩnh Long.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng công trình Đường nội ô thị trấn T - Tỉnh lộ 912, huyện T.

3/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1936. (chết năm 2025).

Người thừa kế nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị B:

- Ông Lê Minh T, sinh năm 1979
- Ông Lê Phước S1, sinh năm 1972
- Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1964
- Ông Lê Văn T2, sinh năm 1964
- Bà Lê Thị Ú, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Nay là khóm E, xã T, tỉnh Vĩnh Long);

4/ Ông Lê Phước S1, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khóm E, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

5/ Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khóm B, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

6/ Ông Lê Văn T2, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khóm F, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

7/ Bà Lê Thị Ú, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp X, xã P, tỉnh Vĩnh Long .

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Lê Thị Ngọc H, ông Lê Văn T2 và bà Lê Thị Ú: Ông Trần Hoàng A, sinh năm 1966; Địa chỉ: khóm L, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

8/ Ông Lê Văn P, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số C, đường L, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

9/ Ông Lê Văn H1 (chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H1:

- Ông Lê Văn N, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long

- Ông Lê Văn N1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp C, xã P, tỉnh Vĩnh Long;

- Bà Lê Thị T3, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long;

- Anh Lê Văn L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long;

10/ Ông Phước S1, sinh năm 1966 (tên gọi khác Lê Văn T4) (chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phước S1 (tên gọi khác là Lê Văn T4 gồm:

- Anh Lê Khải V1, sinh năm 2000;

- Chị Lê Nguyễn Triết M, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã H, tỉnh Vĩnh Long;

- Anh Lê Khánh D, địa chỉ: D - Siticon Gate 1-G-GS04 Dubai Silicon OASIS.

11/ Anh Phạm Thanh S2, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Khóm B, phường A Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

12/ Chị Nguyễn Thị Huyền C, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Lê Minh Thế là nguyên đơn; Lê Thị Ngọc H, Lê Văn T2, Lê Thị Ú, Lê Văn N1, Lê Văn N; Lê Văn L, Nguyễn Thị B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Lê Minh T và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Trần Hoàng A trình bày và yêu cầu:

Cha mẹ của anh Lê Minh Thế L1 ông Lê Văn C1 (chết năm 1994) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1936 là vợ chồng hợp pháp, trong quá trình chung sống có 07 người con chung bao gồm: Lê Văn T2, Lê Thị Ngọc H, Lê Văn T4, Lê Thị Cẩm T1, Lê Thị Ú, Lê Phước S1, Lê Minh T. Trong quá trình chung sống ông C1 và bà B có tạo dựng được khối tài sản chung trong đó có 12.360m² đất cùng tọa lạc tại khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Năm 1991 ông C1 có kê khai đăng ký 02 thửa đất gồm 190, 191 diện tích chung 12.360m² cùng tờ bản đồ số 7 địa chỉ khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Năm 1994 ông C1 chết, ông Lê Phước S1 đã tự ý làm thủ tục xin đăng ký quyền sử dụng đất hết diện tích nêu trên vào ngày 19/8/2000, có hành vi xác lập giả tạo các loại giấy tờ nhằm hợp thức hóa việc kê khai hưởng thừa kế đối với quyền sử dụng đất 02 thửa 190, 191 là tài sản chung của ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị B.

Cụ thể ông S1 đã có các hành vi gian dối như: Lập tờ uỷ quyền ngày 08/04/2000 do bà Nguyễn Thị B đứng tên thể hiện: Nội dung và chữ ký, chữ viết do bà Nguyễn Thị B xác lập nhưng thực tế bà B không hề hay biết; Giấy chứng tử của ông Lê Văn C1 có nội dung xác nhận ông C1 chết ngày 02/03/1990 nhằm để ông S1 hợp thức hoá các thửa đất 190 và 191; Trích lục khai tử số 376/2020 ngày 22/10/2020/TLKT-BS của Ủy ban nhân dân thị trấn T cung cấp thì ông C1 chết ngày 16/05/1994; Biên bản phân chia quyền sử dụng đất ngày 07/8/2000, phần xác nhận uỷ quyền hai văn bản này cũng được ông S1 gian dối; Ngày 10/01/2001 ông Lê Phước S1 tách thửa 190 và 191 mà ông đã đăng ký kê khai thừa kế từ năm 2000 thành 03 thửa gồm thửa số 7, 14 và 30 cùng tờ bản đồ số 17. Sau đó hộ ông Lê Phước S1 được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa số 7, 14 và 30 vào ngày 24/04/2003; Năm 2011, ông Lê Phước S1 tách thửa đất số 7 có diện tích 5.010,9m² tờ bản đồ số 17 địa chỉ khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh thành 02 thửa là thửa 15 diện tích 4.196m² và thửa 153 diện tích 841,7m² cùng đứng tên hộ ông Lê Phước S1, sau đó hộ ông S1 tặng cho bà Lê Thị Cẩm T1 và ông Đỗ Văn V tại thửa đất 153. Việc bà T1 và ông V được hộ ông Lê Phước S1 tặng cho thửa đất 153 tờ bản đồ số 17 diện tích 841,7m² loại đất trồng cây lâu năm có địa chỉ khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh là nằm trong phần tài sản chung của ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị B, thửa đất này có được là do hành vi gian dối của ông Lê Phước S1.

Năm 2013 Nhà nước thu hồi 15,9m² đất theo Quyết định số: 2906/QĐ-UBND ngày 27/9/2013, cho nên thửa đất số 153 tờ bản đồ số 17 diện tích còn lại là 798,8m².

Năm 2020 ông Đỗ Văn V và bà Lê Thị Cẩm T1 tiếp tục tách thửa đất số 153 thành 02 thửa: là thửa 306 có diện tích là 207,0m² và thửa 307 có diện tích 591,8m². Bà T1 và ông V tiếp tục tách thửa 307 tờ thành 02 thửa là 367 có diện tích 304,6m² và thửa 368 có diện tích 287,2m². Sau nhiều lần tách thửa và chuyển mục đích sử dụng bà T1 và ông V đã tách thửa 153 tờ bản đồ số 17 diện tích 798,8m² thành 03 thửa và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Thửa 306 có diện tích 207m² mục đích sử dụng đất ở tại đô thị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CT242766 số vào sổ CH03750 cấp ngày 16/06/2020; Thửa 367 có diện tích 304,6m² mục đích sử dụng đất ở tại đô thị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DB192187 số vào sổ CH04270 cấp năm 2021; Thửa 368 diện tích 287,2m² mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC740898 số vào sổ CS04271 08/11/2021.

Nay anh T yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tiểu Cần xem xét giải quyết thu hồi 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 306, 367 và 368 đã cấp cho bà Lê Thị Cẩm T1; Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất 306, 367 và 368 cho các đồng thừa kế của ông Lê Văn C1. Trong đó anh yêu cầu được hưởng 01 suất thừa kế bằng hiện vật diện tích đất 10,35m² thuộc thửa đất số 306; Yêu cầu hưởng 01 suất thừa kế bằng hiện vật diện tích đất 15,23m² thửa đất số 367; Yêu cầu được hưởng 01 suất thừa kế bằng hiện vật diện tích đất 14,36m² thuộc thửa đất số 368.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của bị đơn ông Đỗ Văn V và bà Lê Thị Cẩm T1 là ông Lâm Khắc S trình bày:

Bà Lê Thị Cẩm T1 và ông Đỗ Văn V đồng ý với trình bày của anh Lê Minh T về quan hệ nhân thân, riêng các thửa đất số 367, 368, 306 cùng tờ bản đồ số 17 tọa lạc khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của cha mẹ chung là ông Lê Văn C1, sinh năm 1927 (chết năm 1994) và bà Nguyễn Thị B để lại cho người con là ông Lê Phước S1. Sau đó ông Lê Phước S1 tặng cho lại cho bà Lê Thị Cẩm T1 vào năm 2011, các thửa đất này trước đây thuộc thửa 153 có tổng diện tích chung 814,7m², vợ chồng ông bà sử dụng đất ổn định từ khi được ông S1 tặng cho đến nay không ai phát sinh tranh chấp hay ngăn cản sử dụng đất.

Năm 2019, mẹ ruột của bà T1 là bà Nguyễn Thị B có nộ đơn khởi kiện người con là Lê Phước S1 ra Tòa án nhân dân, vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh thụ lý và đã giải quyết, xét xử bằng Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST, ngày 28-12-2021, hiện tại vụ án trên đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử xong và bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án trên cả bà Nguyễn Thị B, anh Lê Minh T cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đứng về phía bà B và anh Thế T5 tất cả đều không ai có tranh chấp, không có

yêu cầu gì đối với các thửa đất mà vợ chồng bà đang đứng tên nhưng nay anh Lê Minh T lại tranh chấp các thửa đất này thì bà T1 và ông V không đồng ý, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước S1 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của người đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị Cẩm T1 và ông Đỗ Văn V về quan hệ nhân thân và nguồn gốc đất tranh chấp. Sau khi ông Lê Văn C1 chết ông đã đại diện hộ gia đình đứng tên chung phần diện tích đất 12.360m² (thửa đất 190 diện tích 4.770m² và thửa 191 diện tích 7.590m²) sau đó tách thửa cho bà Lê Thị Cẩm T1 thửa 153 vào năm 2011, tách thửa 14 cho anh Lê Minh T vào năm 2014 và thửa 167 vào năm 2015; đối với thửa 30 và 152 thì bà Nguyễn Thị B tặng cho riêng ông bằng thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T, yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của anh T do đất đã được mẹ ông và các anh chị em trong gia đình đồng thuận phân chia xong, từ thời điểm phân chia tặng cho anh T cũng không tranh chấp, những người còn lại không ai có ai phát sinh tranh chấp. Ông không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này vì tài sản đã phân chia xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T2, Lê Thị Ú, Lê Thị Ngọc H trình bày:

Các ông bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của anh Lê Minh T, các ông bà đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật, đối với phần di sản của ông Lê Văn C1 thì các ông bà xin được hưởng 01 suất thừa kế và đồng ý giao lại suất thừa kế của ông bà cho anh Lê Minh Thế L1 người quản lý trông coi và không yêu cầu anh Lê Minh T phải hoàn lại giá trị.

Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H1 gồm Lê Văn N, bà Lê Thị T3, ông Lê Văn L, ông Lê Văn N1 trình bày:

Các ông bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của anh Lê Minh T, các ông bà đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật, đối với phần di sản của ông Lê Văn C1 thì ông bà xin được hưởng 01 suất thừa kế của ông Lê Văn H1 theo pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xem xét chia thừa kế các thửa đất 306, 367, 368 cho đồng thừa kế của ông Lê Văn C1; Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án bác yêu cầu của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu hưởng suất thừa kế mà chỉ có ý kiến trình bày thống nhất với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn; Trong quá giải quyết vụ án các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các đương sự có mặt tại phiên tòa không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ mới, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Tại bản án sơ thẩm số 46/2025/DS-ST, ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T về việc chia thừa kế các thửa đất số 367, 306, 368 (nay tách ra thành các thửa 403, 404) cùng tọa lạc khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh do bà Lê Thị Cẩm T1 và ông Đỗ Văn V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/5/2025 Lê Minh T; Lê Thị Ngọc H, Lê Văn T2, Lê Thị Ú, Lê Văn N1, Lê Văn N; Lê Văn L, Nguyễn Thị B kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm yêu cầu chấp nhận chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 367, 306, 368 (nay thửa 368 tách ra thành các thửa 403, 404) cùng tọa lạc khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của Lê Minh T; Lê Thị Ngọc H, Lê Văn T2, Lê Thị Ú, Lê Văn N1, Lê Văn N; Lê Văn L, Nguyễn Thị B do Lê Minh T đại diện giám hộ không có cơ sở để chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị B, Lê Thị Ngọc H, Lê Văn T2. Lê Thị Ú, Lê Văn N1, Lê Minh T, Lê Văn N, Lê Văn L mỗi người phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, của người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của Lê Minh T; Lê Thị Ngọc H, Lê Văn T2, Lê Thị Ú, Lê Văn N1, Lê Văn N; Lê Văn L, Nguyễn Thị B do Lê Minh T đại diện giám hộ còn trong hạn luật định, nên được cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của Lê Minh T; Lê Thị Ngọc H, Lê Văn T2, Lê Thị Ú, Lê Văn N1, Lê Văn N; Lê Văn L, Nguyễn Thị B do Lê Minh T đại diện giám hộ yêu cầu sửa bản án sơ thẩm yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản

của ông Lê Văn C1 chết để lại là thửa đất số 367, 306, 368 (nay thửa 368 tách ra thành các thửa 403, 404) cùng tọa lạc khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh do bà Lê Thị Cẩm T1 và ông Đỗ Văn V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất số 367, 306, 368 có nguồn gốc xuất phát từ thửa đất số 190 diện tích 4.770 m² và thửa số 191 diện tích 7.590 m² của ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị B.

Sau khi ông C1 chết thì ông Lê Phước S1 lập thủ tục nhận thừa kế toàn bộ thửa đất 190 và 191 tổng diện tích 12.360m², sau khi nhận thừa kế và được đứng tên quyền sử dụng ông S1 tách thành 05 thửa gồm:

Thửa 30 (thực đo 4.033,5m², có 331,6m² đã thu hồi) và thửa số 152 (thực đo 2.997,5m², có 721,7m² đã thu hồi) do ông S1 đứng tên quyền sử dụng;

Thửa 14 (thực đo 2.767,5m², có 722,8m² đã thu hồi) và thửa số 167 (thực đo 1.198,5m², có 453,8m² đã thu hồi) ông S1 lập thủ tục tặng cho ông Lê Minh T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Còn lại thửa số 153 (thực đo 814,7m², có 15,9m² thuộc công trình bờ kè sạt lở Sông T) ông S1 lập thủ tục chuyển nhượng cho bà Lê Thị Cẩm T1 đã được cấp quyền sử dụng đất.

Năm 2020 bà Lê Thị Cẩm T1 ông Đỗ Văn V tách thửa 153 thành thửa 306 diện tích 207,0m² để chuyển mục đích sử dụng đất và thửa 307 diện tích 591,8m²; Đến năm 2021 bà T1 ông V tiếp tục tách thửa 307 thành thửa 367 diện tích 304,6m² và thửa 368 diện tích 287,2m² để chuyển mục đích sử dụng đất; Năm 2022 bà T1 ông V tách thửa 368 thành thửa 403 diện tích 220,1m² và thửa 404 diện tích 67,1m²; Năm 2023 bà T1 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Huyền C thửa 403 diện tích 220,1m² hiện bà C đứng tên quyền sử dụng đất.

[3] Tờ ủy quyền ngày 08/4/2000 có nội dung bà Nguyễn Thị B đồng ý để lại toàn bộ diện tích đất cho ông Lê Phước S1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông S1 đã tách thửa 153 cho bà T1 vào năm 2011, tách cho ông Lê Minh T thửa 14 vào năm 2014 và thửa 167 vào năm 2015, còn lại ông S1 đứng tên quyền sử dụng thửa 152 và thửa 30. Việc ông S1 thực hiện tách thửa tặng cho anh T, bà T1, các đồng thừa kế của bà B đều biết nhưng trong một thời gian sử dụng ổn định lâu dài không ai phản đối và phát sinh tranh chấp.

Bà Nguyễn Thị B đứng ra khởi kiện ông Lê Phước S1 yêu cầu chia đất thửa 30 và 152 đã cấp cho ông S1. Tại bản án phúc thẩm số: 715/2024/DS-PT ngày 06-9-2024 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B.

Nay Lê Minh T; Lê Thị Ngọc H, Lê Văn T2, Lê Thị Ú, Lê Văn N1, Lê Văn N, Lê Văn L, Nguyễn Thị B yêu cầu chia thừa kế với thửa đất số 367, 306, 368 (nay tách ra thành các thửa 403, 404) cùng tọa lạc khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh do chị Lê Thị Cẩm T6 đứng tên. Các thửa đất này xuất phát từ ông S1 cho chị T6 thửa 153.

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Phước S1 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cung cấp (BL 172) Biên bản phân chia quyền sử dụng đất ngày 07/8/2000 thì có 10 người con của ông C1 thống nhất ký tên, lặn tay chia cho Lê Phước S1 được thừa kế thừa đất số 190,191 diện tích 12.360 m². Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xử không chấp yêu cầu chia thừa kế của ông Lê Minh Thế L1 đúng pháp luật. Kháng cáo của Lê Minh T; Lê Thị Ngọc H, Lê Văn T2, Lê Thị Ú, Lê Văn N1, Lê Văn N; Lê Văn L, Nguyễn Thị B do Lê Minh T giám hộ là không có căn cứ chấp nhận . Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với các tình tiết của vụ án là có cơ sở nên được chấp nhận giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[6] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của Lê Minh T; Lê Thị Ngọc H, Lê Văn T2, Lê Thị Ú, Lê Văn N1, Lê Văn N, Lê Văn L, Nguyễn Thị B không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật. Các đương sự là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 500, Điều 502, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo của Lê Minh T; Lê Thị Ngọc H, Lê Văn T2, Lê Thị Ú, Lê Văn N1, Lê Văn N, Lê Văn L, Nguyễn Thị B do Lê Minh T giám hộ.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 46/2025/DS-ST, ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long).

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T về việc chia thừa kế các thửa đất số 367, 306, 368 (nay tách ra thành các thửa 403, 404) cùng tọa lạc khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh do bà Lê Thị Cẩm T1 và ông Đỗ Văn V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về án phí phúc thẩm:

Miễn án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị B, Lê Thị Ngọc H, Lê Văn T2. Lê Thị Ú, Lê Văn N1, Lê Minh T, Lê Văn N, Lê Văn L mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Bà Ú, ông N1, ông T, ông N, ông L mỗi người đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006658, 0006656,

0006654, 0006655, 0006657 ngày 05/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần nên cản trở.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Dũng

Ngô Đê

Lê Thành Trung

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 12 –Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 12-Vĩnh Long;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thành Trung